

KHIẾU NĂNG TỈNH - NGƯỜI VIẾT BÀI TỰA SÁCH "KHÂM ĐỊNH VIỆT SỬ CƯƠNG MỤC TẬP YẾU"

NGUYỄN HỮU TÂM*

1. Vài nét về Bộ *Khâm định Việt sử cương mục tập yếu*

Tác phẩm *Khâm định Việt sử cương mục tập yếu* 欽定越史綱目輯要 của Nguyễn Sư Hoàng hoàn thành năm 1906. Như vậy, sách được học giả họ Nguyễn biên soạn vào ngay những năm đầu của thế kỷ XX, tức là sau khi bộ *Khâm định Việt sử thông giám Cương mục* (1) 欽定越史通鑑綱 do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn dưới sự chỉ đạo trực tiếp, khâm duyệt lần cuối của đương kim hoàng đế - vua Tự Đức, xuất bản vừa tròn 22 năm (1884). Vì do sách của Nguyễn Sư Hoàng cùng một số trước tác của các học giả khác đương thời như *Việt sử thông giám khảo lược* 越史通鑑考略 của Nguyễn Thông, *Việt sử địa dư* 越史地輿 của Phan Đình Phùng, *Việt sử cương mục tiết yếu* 越史綱目節要 của Đặng Xuân Bảng... đều dựa vào bộ *Cương mục* nhằm giải thích rõ thêm từng lĩnh vực, cho nên chúng tôi xin được xếp vào những tác phẩm thuộc hệ phái của bộ *Cương mục*.

Sách của Nguyễn Sư Hoàng được các học giả đời sau quan tâm và đã có giới thiệu sơ

lược về tác phẩm này. Một số tác giả hiện đại trong các công trình về thư mục Hán Nôm như: học giả Trần Văn Giáp khi giới thiệu về sách này đã viết: *Việt sử cương mục tập yếu* 越史綱目輯要 quyển, Nguyễn Sư Hoàng soạn, sách chép tay, giấy bản thường (26x15), 350 tờ, tờ 2 trang, trang 8 dòng, dòng 20 chữ, đá thảo, nhưng không đẹp. Theo như tên gọi, đây là cuốn sách tóm lược lại bộ *Cương mục*, có khảo cứu thêm các sách khác, đôi chỗ có phê bình, tổng luận, rút gọn cho người đọc dễ xem, dễ nhớ. Trong phần Phàm lệ sách, tác giả trích 41 điều trong 49 điều sách *Cương mục*, bổ sung thêm vào 13 điều dùng trong sách *Tập yếu* (2). Học giả họ Trần cho biết sách không đề tên tác giả, nhưng có bài tựa của Khiếu Năng Tĩnh đề năm Thành Thái thứ 18 (1906), sau đó có dòng chữ Hà Đông, Tây Mỗ Nghiêm thị tử phụng sao 河東西姆嚴氏子奉抄 (nghĩa là: đây là (bản do) Họ Nghiêm ở Tây Mỗ Hà Đông kính cẩn sao lại). Sau đó trong tác phẩm *Di sản Hán Nôm: Thư mục đề yếu* (3), các soạn giả chỉ đưa tên sách là *Việt sử cương mục tập yếu* 越史綱目輯要. Bộ *Việt Nam Hán Nôm*

* TS. Viện Sử học

văn hiến mục lục đề yếu (4) được hợp tác xuất bản tại Viện Nghiên cứu Trung ương Đài Loan xuất bản năm 2002, cũng ghi tên sách là *Việt sử tập yếu* 越史集要, hoàn toàn không có hai chữ *Khâm định* 欽定 đứng đầu.

Chúng tôi đã trực tiếp đến đọc tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, theo thư mục hiện có 3 bản sách gồm các ký hiệu sau: A.2809/1-8, VHv.162/1-11, VHv.1579/1-9. Trong đó bản sách ký hiệu VHv.1579/1-9 không có bài tựa của Khiếu Năng Tĩnh. Bài tựa của hai bản sách ký hiệu A.2809/1-8 và VHv.162/1-11, đều có ghi rõ ở dòng đầu tiên là *Khâm định Việt sử cương mục tập yếu* 欽定越史綱目輯要序. Trong nội dung bài tựa của Khiếu Năng Tĩnh còn cho biết rõ "nhân đề cuốn sách là *Khâm định Việt sử cương mục tập yếu* 欽定越史綱目輯要" (5). Như vậy, chúng ta có đủ cơ sở tin cậy để xác định tên gọi và nên hoàn trả lại danh xưng chính thức tác phẩm của Nguyễn Sư Hoàng là *Khâm định Việt sử cương mục tập yếu* 欽定越史綱目輯要.

2. Bài tựa của Khiếu Năng Tĩnh trong sách *Khâm định Việt sử cương mục tập yếu* của Nguyễn Sư Hoàng

2.1. Sơ lược về Khiếu Năng Tĩnh

Các tác giả chép về tiểu sử, hành trạng của Khiếu Năng Tĩnh từ trước đến nay đều chỉ nêu ông sinh năm Ất Mùi 1835 không rõ năm mất. Theo những phát hiện gần đây, có hai giả thiết đưa ra về năm mất của ông, theo sách *Địa chí Nam Định* ghi rõ ông sinh năm 1835 từ trần năm 1920 (6). Còn tác giả Nguyễn Duy Vượng trong bài giới thiệu ngôi đình cổ Sùng Văn tại xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định lại cung cấp thông tin sau: "Đình cổ Sùng Văn từng thu hút nhiều danh nhân văn hóa. Tiến sĩ Khiếu Năng Tĩnh (1833-1915)

nhiều lần thăm đình và tiến cúng câu đối thờ nay vẫn được lưu giữ trang trọng" (7). Như vậy theo Duy Vượng, Khiếu Năng Tĩnh sinh năm 1833 mất năm 1915 hưởng thọ 83 tuổi. Tấm bia *Tiến sĩ Tham tri Khiếu tiên sinh chí thạch* 進士參知叫先生誌石 được dựng tại khu lăng mộ Khiếu Năng Tĩnh vào năm Duy Tân thứ 5 (1915) ngay sau khi Ông từ trần, xác định chính xác Khiếu Năng Tĩnh sinh ngày 19 tháng 7 năm Quý Tỵ, niên hiệu Minh Mệnh thứ 14 (1833), từ trần ngày 6 tháng 4 niên hiệu Duy Tân 9 (1915) tại nhà riêng (8).

Khiếu Năng Tĩnh là danh sĩ đời Tự Đức (1848 - 1883), người làng Trục Mỹ (Chân Mỹ), xã Yên Thắng, tổng Tú Vinh, huyện Đại An (Yên), phủ Nghĩa Hưng (9) nay là thôn Trục Mỹ, xã Yên Cường, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Khoa thi Hương niên hiệu Tự Đức thứ 31, năm Mậu Dần (1878), ông tham dự trường thi Nam Định do Thị lang Bộ Binh Hà Văn Quan làm Chánh Chủ khảo, Biện lý Bộ Hình Lương Huy Ý (theo mệnh vua đổi là Lương Tư Thứ) làm Phó Chủ khảo, lấy đỗ 24 người. Theo danh sách công bố đỗ Cử nhân (10), Khiếu Năng Tĩnh đứng thứ 5 kỳ thi này. Năm đó, ông vừa 44 tuổi (11). Như vậy, có thể nhận thấy ông dẫn thân con đường cử tử khá muộn, khi đã bước sang độ tuổi 40 "nhi bất hoặc" (không có điều gì nghi ngờ nữa). Hai năm sau, ông vào Huế tham gia kỳ thi Hội vào tháng 3 niên hiệu Tự Đức thứ 33, năm Canh Thìn (1880), trong kỳ thi Hội, Khiếu Năng Tĩnh đứng đầu (Hội nguyên). Trường thi thứ 2 của kỳ thi Hội vua Tự Đức ra đề bài rất thực tế liên quan cập nhật đến việc tiến hành thực hiện phép quân điền tại Bắc Kỳ, thí sinh phải viết dưới dạng Biểu và theo thể thức viết của Hàn Dũ - một trong "Bát đại gia nổi tiếng" của đời Đường - Tống.

Rất nhiều thí sinh lúng túng và bất ngờ trước đề thi học búa này và phần nhiều không làm trọn vẹn được bài Biểu trên. Tháng 4 cùng năm đó (1880), Khiếu Năng Tĩnh được tham gia kỳ thi Đình, ông được đỗ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân, danh tính tiểu sử được khắc vào tấm bia đá Hoàng triều Tự Đức tam thập tam niên Canh Thìn khoa Tiến sĩ đề danh 皇朝嗣德三拾三年庚辰科進士題名碑 hiện vẫn còn được trân trọng lưu giữ tại Văn Miếu Huế như sau: *Khiếu Năng Tĩnh, Cử nhân, niên canh Ất Mùi, tứ thập lục tuế, Nam Định tỉnh, Nghĩa Hưng phủ, Đại An huyện, Tử Vinh tổng, Chân Mỹ xã* 叫能靜舉人年庚乙未肆拾陸歲南定省義興府大安縣紫榮總真美社 nghĩa là: Khiếu Năng Tĩnh, nguyên đỗ Cử nhân, sinh năm Ất Mùi, 46 tuổi, người xã Chân Mỹ, tổng Tử Vinh, huyện Đại An (Yên), phủ Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định (12). Đây là một vinh dự lớn giành cho Khiếu Năng Tĩnh cùng gia đình và quê hương ông, vì như trên đã nêu, kỳ thi Hội năm đó, vua Tự Đức ra đầu bài rất khó, các quan khi chấm thi phải xin chọn lựa từng đoạn văn để cho điểm, vì thế chỉ chọn được 6 người hạng Trúng cách (trong đó có Khiếu Năng Tĩnh) và 7 người hạng Phó bảng. Nếu theo lệ thông thường thì chỉ có hạng Trúng cách mới được thi Đình, nhưng Tự Đức cho rằng như vậy số Tiến sĩ được chọn chắc chắn rất ít, nên vị vua kỹ tính, cẩn thận trong học thuật này đã chấp thuận cả 13 người được thi Đình, rốt cuộc cũng chỉ lựa được 5 người đủ điểm đỗ. Trong đó, có 1 người đủ điểm Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) là Nguyễn Đình Dương người phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây (nay thuộc Hà Nội) và trong số 4 người đỗ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân, Khiếu Năng Tĩnh đứng thứ 2 (13).

Sau khi thi đỗ, con đường hoạn lộ của Khiếu Năng Tĩnh khá hanh thông, hiển đạt. Ông đã nhiều năm giữ chức Đốc học Nam Định (14), Hà Nội (15) đào tạo, lựa chọn ra nhiều người tài giúp rập quốc gia. Vào thập niên 90 của thế kỷ XIX, ông được triều Nguyễn trọng dụng thăng cử giữ chức Quốc tử giám Tế tửu. Khoa thi Canh Tý niên hiệu Thành Thái thứ 12 (1890), ông làm quan Chánh Chủ khảo trường thi Hương Nghệ An, Tham tá Nội các Mai Khắc Đôn làm Phó Chủ khảo. Kỳ thi này tại Nghệ An, ông cùng các cộng sự lấy đỗ 30 Cử nhân. Có một điều thú vị, trong bài thi về phần Phú do Khiếu Năng Tĩnh với chức vụ Chánh Chủ khảo kỳ thi ra đề “Bái thạch vi huynh” (Lạy đá làm anh) đã được Phan Bội Châu làm bài vượt trội, nổi tiếng thời bấy giờ. Ông cùng các quan chấm thi đã lấy Phan Bội Châu (người xã Đan Nhiễm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An) đỗ Giải nguyên (đứng đầu kỳ thi Hương) và lựa chọn Đoàn Tử Quang (người xã Phụng Công, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh) khi đó đã 82 tuổi đỗ Cử nhân (16). Đây là trường hợp duy nhất trong lịch sử khoa cử Việt Nam lấy đỗ khi Thí sinh đã ở độ tuổi ngoài 80. Khi về già, Khiếu Năng Tĩnh có mở trường học tại quê nhà, đào tạo được nhiều học trò xuất sắc. Học giả đời sau khi đánh giá về ông, đều giành những lời kính trọng khen ngợi về đạo cao đức trọng của một người Thầy giáo, về kiến thức sâu rộng cùng tấm lòng yêu nước và quý mến nhân tài của ông.

2.2. Bài tựa trong sách *Khâm định Việt sử cương mục tập yếu*

Trong phần trên khi trình bày về văn bản của *Khâm định Việt sử cương mục tập yếu*, chúng tôi đã cho biết trong kho sách của Viện Nghiên cứu Hán Nôm hiện còn lại 3 bản chép tay chữ Hán tác phẩm này (17).

Stt	Tờ, dòng	Bản A.2809 (viết tắt là bản A)	Bản VHv.162 (viết tắt là bản V)	Chú thích
1	1a	Có dấu bầu dục của EFEO Viện Viễn Đông bác cổ, cùng các dấu kiểm kê ghi các năm 1967, 1974, 1986, 1991	Có dấu vuông để “Thu viện khoa học trung ương”	
2	Toàn bài	Chữ viết chân, đá thảo, dễ đọc, có chấm câu (cú đậu), 1 dòng trung bình 24-26 chữ	Chữ viết chân phương, dễ đọc, có chấm câu (cú đậu), 1 dòng trung bình 24-26 chữ	Tương tự
3	1a, Tiêu đề	Khâm định Việt sử cương mục tập yếu tự 欽定越史綱目輯要序	Khâm định Việt sử cương mục tập yếu tự 欽定越史綱目輯要序	Giống nhau
4	1a, 4	Thêm chữ “dĩ tự hàng” 以字行	Không có	
5	1a, 6	“biện luận” 辯論 “sở đắc tấu” 所得奏	“luận biện” 論辯 “sở tấu” 所奏	Bản V chép lộn chữ “biện luận” và thiếu chữ “đắc” 得
6	1a, 7	“dĩ Hà Nam trường hợp thí” 以河南場合試	“dĩ Hà Nam hợp thí” 以河南合試	Bản V thiếu chữ “trường” 場
7	1a,7(A) 1a, 8(V)	“thuyên” 鱗	“huê” 攜	
8	1a, 8	“giả” 者	Không có	
9	1a, 8	“thí sinh giả” 試生者	“thí sinh” 試生	Bản V thiếu chữ “giả” 者
10	1b, 1	“sách vấn” 策問	“sách lược” 策略	Bản V nhằm “vấn” 問 thành “lược” 略
11	1b, 3(A) 1b, 4(V)	“Bá Lỗ” 伯魯	“Bá Tăng” 伯曾	Bản V nhằm “Lỗ” 魯 thành “Tăng” 曾
12	1b, 4(A) 1b, 5(V)	“miễn hi” 免矣	“miễn phu” 免夫	Bản V nhằm “hi” 矣 thành “phu” 夫
13	1b, 5(A) 1b, 6(V)	Không rõ chữ gì	“diêu” 渺	
14	1b, 5(A) 6(A) 1b, 6(V) 7(V)	“Su Hoàng” 師黃	“Su Hoàng quân” 師黃君	Bản V thêm chữ “quân” 君
15	1b, 6(A) 1b, 7(V)	“cập Việt Nam” 及越南	“cập ư Việt Nam” 及於越南	Bản V thêm chữ “ư” 於
16	1b, 6(A)	“Bắc sử Hán chí chi khuyết Binh chí dã” 北史漢志之缺兵志也	không có	Bản V thiếu 9 chữ này 北史漢志之缺兵志也
17	2a, 2(V)		“Chỉ” 旨	Bản V thêm chữ “Chỉ” 旨
18	2a, 3(V)		“Hoàng” 皇 “Vạn vạn niên chí” 萬萬年之	Bản V thêm chữ “Hoàng” 皇 và “Vạn vạn niên chí” 萬萬年之
19	2a, 3(A) 2a, 5(V)	“Nam Định Trục Mỹ nhân Khiếu Năng Tĩnh cần tự” 南定直美人叫能靜體序	Nam Định Trục Mỹ nhân Khiếu Năng Tĩnh tự” 南定直美人叫能靜序	Bản V thiếu chữ “cần” 謹
20	2a, 2(A) 2a, 4(V)	“Tứ Canh Thìn khoa” 賜庚辰科	“Sắc Tứ Canh Thìn khoa” 敕賜庚辰科	Bản V thêm chữ “Sắc” 敕
21	2a,7(V)		Hà Đông Tây Mỗ Nghiêm hị tử phụng sao” 河東西姆嚴氏子奉抄	Bản A không có 9 chữ này 河東西姆嚴氏子奉抄

Trong đó, chỉ có hai bản sách hiện còn bài tựa của Khiếu Năng Tĩnh, chúng tôi đã tiến hành đối chiếu khá cẩn thận và đưa ra ý kiến cá nhân như sau:

2.2.1. Hiện trạng văn bản bài tựa của Khiếu Năng Tĩnh

Chúng tôi xin được giới thiệu tình trạng văn bản của bài tựa trong hai bản sách trên. Để tiện cho độc giả theo dõi, chúng tôi lập một bản so sánh những xuất nhập giữa hai bài tựa, từ đó có thể rút ra kết luận cụ thể (xem bảng so sánh trên).

Thông qua bảng đối chiếu tỷ mỉ giữa hai văn bản bài tựa của Khiếu Năng Tĩnh, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy, bản A.2809 là bản gốc của tác giả, mà bản VHv.162 là bản sao lại do người họ Nghiêm ở làng Tây Mỗ, Từ Liêm, Hà Đông (nay thuộc Hà Nội) thực hiện (học giả Trần Văn Giáp đã đọc bản này để đưa ra những nhận xét được chép trong *Tìm hiểu Kho sách Hán Nôm*). Dấu triện của Viện Viễn Đông bác cổ cùng dấu của các năm kiểm kê trong bản A.2809 càng chứng tỏ bản sách này được lưu nhập trong kho sách của quốc gia từ khá sớm, còn bản sách VHv.162 được sao chép, sưu tầm muộn hơn nhiều. Hơn nữa trong số 21 điều xuất nhập, nhầm lẫn giữa hai văn bản trong bảng thống kê trên, có nhiều điều văn bản V rõ ràng đã chép thiếu, chép thừa và sai lạc với văn bản gốc. Một vài thí dụ chúng tôi đưa ra dưới đây đã minh chứng cho nhận định này: như dòng 7 tờ 1a bản A chép “đĩ Hà Nam trường hợp thi” mà bản V lại chép thiếu chữ “trường”. Chúng ta đều biết, sau khi thực dân Pháp đặt được ách thuộc địa lên nước ta vào cuối thế kỷ XIX thì chúng đã lập tức thay đổi một số chính sách đối với khoa cử giáo dục truyền thống Việt Nam. Sự bóp nghẹt về văn hóa giáo dục của thực dân Pháp thể hiện rõ bằng những hành động rất cụ thể,

vì vậy mới có việc hợp nhất trường thi Hà Nội với Nam Định. Nhà thơ Tú Xương trong bài thơ *Vịnh khoa thi Hương* đã có câu thơ nói lên tình cảnh này: “Trường Nam thi lẫn với trường Hà” (18). Vì vậy “Hà Nam trường hợp thi” do Khiếu Năng Tĩnh viết phản ánh thực tế khoa cử đương thời, mà bản sao V đã thiếu chữ “trường” đã làm mất đi tính lịch sử của nó. Hoặc bản V chép lầm từ “sách vấn” sang “sách lược” đã khiến cho câu chữ sai lạc với nguyên ngữ ban đầu. “Sách vấn” hoặc còn gọi là “Sách thi” cũng có khi gọi là “Đôi sách” là chỉ một đề thi trong kỳ thi Tam trường, thường được gọi là Văn sách. Trong đề thi Văn sách chia làm hai loại: một là thường dẫn Kinh điển Nho gia như *Tứ thư*, *Ngũ Kinh* hoặc Sử, cũng có khi cập nhật thời sự để đưa ra câu hỏi; hai là: hỏi từng việc ngắn. Nói chung thí sinh khi trả lời phải diễn giải kỹ càng, tường tận, đưa ý kiến chủ quan đối với từng câu hỏi. Còn “Sách lược” là chỉ một phương lược thường được dùng trong quân sự, là những hình thức tổ chức và đấu tranh để giành thắng lợi trong một cuộc vận động chính trị (nói tổng quát) (19).

Bản V chép nhầm từ Bá Lỗ sang Bá Tăng sẽ làm cho người đọc bài tựa lúng túng, nghi ngờ trình độ của Khiếu Năng Tĩnh, vì đây là một kiến thức sử học sơ đẳng. Trong các sách sử mỗi khi nhắc đến cụm từ “Tịch Đàm vong tổ, Bá Lỗ tương lạc” (tức là Tịch Đàm quên mất Tiên tổ, Bá Lỗ sẽ phải suy tàn”, người đọc đều hiểu ngay điều này ám chỉ con cháu các danh gia vọng tộc đã lãng quên truyền thống nghề nghiệp, học vấn sâu rộng của Tổ tiên họ, tất sẽ có ngày suy vong. Hoặc bản V thiếu hẳn một câu “Bác sử Hán chí chi khuyết Bình chí dã” làm cho bài tựa của Khiếu Năng Tĩnh thiếu đi một khối tri thức sử học truyền thống Trung Hoa đồ sộ. Vì câu này cho biết, Khiếu Năng Tĩnh đã đọc

nhiều và thâm sâu vào bộ nhớ uyên bác của ông. Trong từng thư sử học Trung Quốc, bộ *Hán thư* do Ban Cố biên soạn thiếu hẳn một phần *Binh chí* viết về lĩnh vực quân sự, quốc phòng. Còn có những khiếm khuyết khác trong bài tựa của bản V mà chúng tôi chưa thể điểm hết. Chỉ có thể đưa ra một nhận định nhỏ: Bài tựa của bản V đã sao chép không thật đầy đủ, cẩn thận khiến nó đã mất đi một phần nguyên tác. Nhưng dù sao nó cũng đã cung cấp thêm một dị bản, giúp chúng ta thuận tiện cho công tác tiến hành giám định văn bản. Và cũng phải ghi nhận một ưu điểm của bản này là người sao chép đã thực hiện việc chấm ngắt câu (cú điệu), khiến cho người đọc sẽ dễ dàng nắm bắt được nội dung, mà không thể nhầm như kiểu đọc ngắt đoạn hiện đại “rắn là loài bò, sát không chân” được.

Chúng tôi xin lấy bài tựa của văn bản A.2809 để phiên dịch và nghiên cứu, qua đó có thể hiểu thêm phần nào về tài năng, kiến thức sâu rộng của Quốc tử giám Tế tửu, Tả tham tri Bộ Lễ Khiếu Năng Tĩnh.

2.2.2. Dịch nghĩa Bài tựa của Khiếu Năng Tĩnh:

Bài tựa bộ sách *Khâm định Việt sử cương mục tập yếu*

Có Tiến sĩ họ Ngô hiệu Dương Đình (20), người làng Nam Chân sau đổi làm Nam Trực, trấn Sơn Nam hạ xưa, nay là tỉnh Nam Định biên soạn tác phẩm *Khải đồng thuyết ước*, tự nói rằng: Ta vốn gốc là người Nam cần phải biết rõ việc (nước) Nam.

Ông Nguyễn Sư Hoàng vị tân Hiếu Liêm (21), người làng Bình Vọng, trấn Sơn Nam thượng xưa, nay là tỉnh Hà Đông đọc được những hàng chữ (sách *Khải đồng thuyết ước*). Ông Sư Hoàng khi chưa được đề bạt, từng trú quán tại Bắc Ninh, dạy cho bọn trẻ không ngơi nghỉ. Lại có thể dựa vào bản chính của sách *Khâm định Việt sử cương mục* (22), lược biên chọn lấy những điều đại

cương, mục lớn làm gốc để sao chép, đồng thời còn dựa vào các sách cũ của sử nước Nam, và tất cả những luận giải trong sử nước Nam cùng các bản Tấu nghị, Biểu văn dâng lên vua, được chép trong Nam sử (23), nhan đề cuốn sách là *Khâm định Việt sử cương mục tập yếu*. Mùa thu năm Bính Ngọ (24), vì trường Nam thi gộp với trường Hà tại Nam Định, Sư Hoàng có đem theo sách *Việt sử cương mục tiết yếu* báo cho tôi. Khi đó, Sư Hoàng mới vào Tam trường chưa kinh qua kỳ thi Phúc thí, cho nên đang là Thí sinh Tú tài của Tứ trường. Trong phần thi Sách vấn trường thi, tịnh không có một đề nói đến sử Việt. Than ôi! Sư Hoàng làm sao giống như người xưa có lợi thế của việc học tập Lễ ký được! Nhưng xét thấy Sư Hoàng là người nước Nam lại muốn tường tận việc nước Nam như vậy, có thể gọi là người có chí đối với nguồn gốc vậy.

Trong bài tựa *Khâm định Việt sử cương mục* của hoàng đế có viết câu “Tịch Đàm quên mất Tiên tổ, Bá Lỗ sẽ phải suy tàn”, đây chính là bệnh chung của các học giả hiện tại. Tôi biết phải miễn trừ riêng Sư Hoàng ra.

Ngày nay thiên hạ đang sống ở thế giới này, vì thế đều sẽ vì thế giới này. Những người có chí gửi gắm vào trong những trữ thuật xét ra cũng không ít, nhưng đại khái đề cập đến sử nước Nam thì cũng xa vời lắm.

Sư Hoàng lại là người có chí đối với việc làm tiết yếu cho bộ sử nước Nam, tuy bộ sách đó (của Sư Hoàng) chưa được đầy đủ và còn thiếu phần *Nhân vật chí* của Việt Nam cũng giống như trong *Hán thư* thiếu phần *Binh chí* vậy. Sau này, Sư Hoàng nhất định sẽ bổ sung thêm. Triều đình đã bàn nghị phép thi đưa sử Việt tức là quốc sử. Khi sách *Tiết yếu* hoàn thành, đương nhiên sẽ có người yêu mến mà sao chép lại. Sư Hoàng cũng là những người có cùng chung chí hướng nên tôi viết bài tựa này.

Sau Lập đông 1 ngày, niên hiệu Thành Thái thứ 18 (1906)

Khiếu Năng Tĩnh người Trục Mỹ, Nam Định được ân ban Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân khoa thi Canh Thìn (1880), Tế tửu Quốc tử giám, Tả Tham tri Bộ Lễ đã hưu trí, Kính cần đề tựa.

3. Cảm nhận khi đọc *Bài tựa của Khiếu Năng Tĩnh*

Thông qua việc dịch và đọc nội dung của bài tựa do Khiếu Năng Tĩnh chấp bút, chúng tôi có một cảm nhận sâu sắc: Khiếu Năng Tĩnh là một vị quan rất quan tâm tới lịch sử dân tộc và chú trọng cất nhắc những người có chí hướng biên soạn tác phẩm sử học nước nhà. Đồng thời, ông cũng là người Thầy giáo quan tâm việc truyền bá lịch sử truyền thống cho các lớp học trò. Với cương vị là một đại quan có hàm trật Nhị phẩm, từng giữ nhiều chức vụ trọng yếu của triều đình như Tế tửu Quốc tử giám, Tả Tham tri Bộ Lễ, nhiều năm đảm nhiệm Đốc học Nam Định, Hà Nội, ông đã hướng cho các môn đồ của mình đi sâu nghiên cứu, biên soạn sách sử. Bài tựa đã nêu rõ, mặc dù Nguyễn Sư Hoàng mới chỉ là một Thí sinh tú trường như Khiếu Năng Tĩnh giới thiệu, nhưng quan Chánh chủ khảo họ Khiếu với "con mắt xanh" khi đọc được cuốn sử giản yếu do Nguyễn Sư Hoàng biên soạn đã cổ vũ, khuyến khích người học trò này theo con đường viết sử.

Ông chỉ ra một cách kỹ càng những ưu nhược và tin tưởng những khiếm khuyết

trong tác phẩm đó, sau này nhất định sẽ được bổ sung đầy đủ. Ông khen ngợi Nguyễn Sư Hoàng đã giành tâm trí nghiên cứu về sử học nước Nam, mà đương thời còn được ít người chú trọng. Nhưng ông cũng lại cảm thấy hơi tiếc, vì kỳ này năm đó, không có một đề bài nào ra về lịch sử, cho nên, Nguyễn Sư Hoàng đã không đỗ kỳ thi Tú trường khoa thi đó. Ông tin tưởng, triều đình đã nhận thấy cần phải đưa môn quốc sử vào đề thi Nhà nước, chắc rằng tương lai cuốn sách *Tập yếu* của Nguyễn Sư Hoàng sẽ được mọi người yêu mến sao chép, truyền tụng.

Hiện tại, chúng ta còn lưu giữ được bản gốc cùng 2 bản sao về cuốn sách của Nguyễn Sư Hoàng, ắt hẳn cũng sẽ có các bản sao khác nữa mà chúng ta chưa tìm thấy hoặc đã thất lạc do nhiều nguyên nhân khác nhau. Nhưng chỉ với 2 bản sao này thôi, cũng đủ để chứng minh niềm tin của Khiếu Năng Tĩnh về sự quan tâm đến việc phát triển sử học dân tộc của nước ta trong những năm đầu thế kỷ XX là khá chính xác. Ông đã nêu rất nhiều lý do để viết bài tựa cho cuốn sách của Sư Hoàng, nhưng trong đó chúng tôi tâm đắc với câu kết bài tựa: Ông cho rằng Sư Hoàng là người cùng chí hướng với mình, tức là đều có ý thức đối với truyền thống lịch sử dân tộc, đều nhớ về cội nguồn mà không quên Tổ tiên đến nỗi phải suy vong như tấm gương của Tịch Đàm và Bá Lỗ của Trung Quốc thời xưa.

CHÚ THÍCH

(1). Từ đây trở đi chúng tôi xin được viết tắt bộ sách *Khâm định Việt sử thông giám Cương mục* thành *Cương mục* để người đọc tiện theo dõi.

(2). Trần Văn Giáp. *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm - nguồn tư liệu văn học, sử học Việt Nam*, tập I, Thư viện quốc gia xuất bản, Hà Nội, 1970, tr. 152.

(3). *Di sản Hán Nôm: Thư mục đề yếu*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm- Viện Viễn đông Bác cổ, Hà Nội, 1993.

(4). *越南漢喃文獻目錄提要 (Việt Nam Hán Nôm văn hiến mục lục đề yếu)*, Chủ biên Lưu Xuân Ngân, Vương Tiểu Thuần, Trần Nghĩa. Viện Nghiên

cứu Trung ương Đài Loan, 2002, tr. 346.

(5). Xin xem thêm bản dịch *Bài tựa* do chúng tôi thực hiện ở phần sau bài viết.

(6). *Địa chí Nam Định*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 741.

(7). Nguyễn Duy Vương. *Đình cổ Sùng Văn*, trên website Báo Nhân dân, ngày 16-01-2008.

(8). Dương Văn Vương - Trịnh Việt Anh. *Giới thiệu tám bia dựng tại mộ Tiến sĩ Khiếu Năng Tĩnh*. Bài in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Tế tửu Quốc Tử Giám Khiếu Năng Tĩnh, con người và sự nghiệp", Hà Nội, 2009, tr. 141 - 145.

(9). Phạm Đức Thành Dũng, Vinh Cao (Chủ biên). *Khoa cử và các nhà khoa bảng triều Nguyễn*, Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2000, tr. 340.

(10). Trước triều Minh Mệnh (1820-1840), những người đỗ thi Hương gọi là Hương cống, đến Khoa thi Mậu Tý năm Minh Mệnh thứ 9 (1828), đổi Hương cống gọi là Cử nhân. Khoa thi Canh Tuất, năm Tự Đức thứ 3 (1850), lại định phép thi Hương, thi Hội đều 4 kỳ. Thi Hương trúng Tam trường gọi là Tú tài, trúng Tứ trường gọi là Cử nhân.

(11). Cao Xuân Dục. *Quốc triều hương khoa lục*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, tr. 450.

(12), (13). Phạm Đức Thành Dũng, Vinh Cao. *Khoa cử và các nhà khoa bảng triều Nguyễn*, Sdd, tr. 334-341.

(14). Nguyễn Q. Thắng - Nguyễn Bá Thế. *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, 1991, tr. 306.

(15). *Địa chí Nam Định*. Sdd, tr. 705. Nguyễn Duy Vương, *Đình cổ Sùng Văn*, Sdd, website Báo Nhân dân, ngày 16-01-2008.

(16). Cao Xuân Dục. *Quốc triều hương khoa lục*, Sdd, tr.560-563. Các tác giả sách *Địa chí Nam Định*, đã viết nhầm Khiếu Năng Tĩnh làm Chánh chủ khảo khoa thi 1906, Sdd, tr. 705 .

(17). Nhân đây xin cảm ơn TS. Nguyễn Hữu Mùi, Trưởng phòng bảo quản Viện Nghiên cứu

Hán Nôm đã cung cấp những tư liệu quý để chúng tôi có thể thực hiện bài viết này.

(18). Nhà thơ Tú Xương tên thật là Trần Tế Xương (1870-1907), tự Mặc Trai, hiệu Mộng Tịch, Tử Thịnh. Bài thơ *Vịnh khoa thi Hương* của Ông viết về khoa thi Hương năm Đinh Dậu 1897 được tổ chức tại Nam Định như sau:

*Nhà nước ba năm mở một khoa,
Trường Nam thi lẫn với trường Hà.
Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ,
Ậm ọe quan trường miệng thét loa.
Lọng cắm rợp trời, quan Sứ đến,
Váy lê quét đất, mụ dâm ra.
Nhân tài đất Bắc nào ai đó ?
Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà !*

(19). Viện Ngôn ngữ học. *Từ điển tiếng Việt*, Nxb.Đà Nẵng, 2000, tr.843. Nguyễn Như ý (Chủ biên), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb.Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1999, tr. 1424.

(20). Tên hiệu của Tiến sĩ Ngô Giáp Đậu.

(21). Tân Hiếu Liêm: chỉ Nguyễn Sư Hoàng mới được đỗ Cử nhân. Bắt đầu từ đời Hán (Trung Quốc), trong khoa cử có mục Hiếu Liêm, trong đó Hiếu: chỉ người có hiếu với cha mẹ, Liêm: chỉ người làm học trò liêm khiết. Sau này gọi Hiếu Liêm là để chỉ người đỗ Cử nhân, *Từ nguyên*, Hợp đình bản, Thương vụ ấn thư quán, Bắc Kinh, 1992, tr. 784.

(22). Chỉ bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn.

(23). Ở đây Khiếu Năng Tĩnh muốn viết đến việc Nguyễn Sư Hoàng đã dựa vào bài Tấu nghị của nhóm sử thần trong Quốc sử quán triều Nguyễn dâng lên Vua Tự Đức ngày 10 tháng 6 niên hiệu Tự Đức 9 (tức ngày 11-7-1856) trình bày thể lệ chung để biên soạn bộ *Cương mục* và *Bài Tiến biểu* của Thượng thư Phạm Thận Duật, Toàn tu Vũ Nhự dâng lên vua Kiến Phúc vào 21 tháng 7 niên hiệu Kiến Phúc thứ nhất (tức ngày 10-9-1884) báo cáo việc hoàn thành và chuẩn bị xuất bản bộ *Cương mục*.

(24). Chỉ năm 1906, niên hiệu Thành Thái thứ 12.